TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2019/DS-ST
Ngày: 17/01/2019
V/v tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC, TỈNH AN GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kiều Nga.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Thanh Huy;

2. Bà Huỳnh Ánh Linh.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Phát Huy, Thư ký Toà án nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa*:** Ông Lưu Tiến Dũng, kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Châu Đốc xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 172/2018/TLST-DS ngày 14/12/2018 về tranh chấp: "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2019/QĐXXST - DS ngày 03 tháng 01 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Bùi Thị Thu O, sinh năm: 1975,

Nơi cư trú: Số 750/14, tổ 16, khóm Vĩnh T, phường N, thành phố Châu Đốc;

Bị đơn: Anh Lê Ngọc T, sinh năm: 1979,

Nơi cư trú: Tổ 17, ấp Vĩnh K, xã Vĩnh T, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

Chị O và anh T có mặt tại phiên tòa;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn (Bùi Thị Thu O) cho rằng:

Vào ngày 26/6/2017, nguyên đơn (Thu O) có cho bị đơn (Lê Ngọc T) mượn số tiền 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng; khi mượn có cam kết mỗi tháng trả 1.000.000 (Một triệu) đồng; kể từ mượn tiền cho đến nay, bị đơn chưa thanh toán như cam kết. Nay, chị có yêu cầu bị đơn có trách nhiệm trả cho bà 50.000.000 đồng, không chấp nhận thanh toán hàng tháng.

Bị đơn anh Lê Ngọc T thừa nhận vào ngày 26/6/2017 anh có mượn của nguyên đơn (Thu O) số tiền 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng; khi mượn có cam kết mỗi tháng trả 1.000.000 đồng; kể từ mượn tiền cho đến nay, chưa thanh toán như cam kết. Nay, hoàn cảnh gia đình khó khăn, anh xin trả mỗi tháng 300.000 (ba trăm nghìn) đồng cho đến khi dứt nợ.

Vụ án, Tòa án mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không thành.

** Tại phiên tòa,*

- Các đương sự vẫn giữ ý ý kiến ban đầu.

** Ý kiến của Kiểm sát viên:*

I. Việc tuân theo pháp luật tố tụng

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

***** Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:

- Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng quy định tại Điều 203 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

* Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử tại phiên tòa:

Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

2. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

Trong quá trình giải quyết, nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

II. Ý kiến về việc giải quyết vụ án

Bà Bùi Thị Thu O cho ông Lê Ngọc T vay số tiền 50.000.000 đồng (không tính lãi), ông T có làm tờ cam kết trả nợ mỗi tháng 1.000.000 đồng nhưng không thực hiện. Do ông T vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên bà O khởi kiện là có căn cứ chấp nhận. Căn cứ Điều 463, Điều 466 Bộ Luật dân sự đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

Từ những phân tích trên, đề nghị Tòa án xem xét quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh luận của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa, nhận thấy:

Về tố tụng:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn (anh Lê Ngọc T) đang cư trú trên địa bàn thành phố Châu Đốc, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung:

[2] Chị Bùi Thị Thu O cho anh Lê Ngọc T mượn 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng, có viết biên nhận, các bên thực hiện trên cơ sở tự nguyện, các bên có lập thành bản và được hai bên thừa nhận nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ dân sự.

[3] Bị đơn thừa nhận có mượn của nguyên đơn số tiền 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng, bị đơn có viết biên nhận nợ và hẹn mỗi tháng trả 1.000.000 đồng, nhưng từ khi viết biên nhận ngày 26/6/2017, nhưng bị đơn không thực hiện. Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền 50.000.000 đồng, không chấp nhận thanh toán mỗi tháng 300.000 (ba trăm nghìn) đồng. Do đó, phương thức thanh toán nợ sẽ được xem xét ở giai đoạn thi hành án.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Nguyên đơn được chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên hoàn trả toàn bộ tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

Bị đơn (Lê Ngọc T) có đơn xin miễn giảm án phí do "Bệnh hoại tử chỏm xương đùi (đã mổ)" nên anh không khả năng nộp tiền án phí và được chính quyền địa phương xác nhận. Tuy nhiên theo hướng dẫn tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tại khoản 01 Điều 13 của Nghị quyết: " Người gặp sự kiện bất khả kháng dẫn đến không có đủ tài sản để nộp tạm ứng án phí, án phí, tạm ứng lệ phí Tòa án có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó cư trú thì được Tòa án giảm 50% mức tạm ứng án phí, án phí, tạm ứng lệ phí Tòa án, lệ phí Tòa án mà người đó phải nộp". Đơn xin miễn giảm án phí mà anh T giao nộp cho Tòa án, Ủy ban nhân dân phường Núi Sam, thành phố Châu Đốc chỉ xác nhận theo đơn trình bày của anh (hoàn cảnh gia đình khó khăn). Do đó, không đáp ứng yêu cầu theo hướng dẫn của Nghị quyết trên, nên không thể xem xét giảm

án phí nên anh Tài phải chịu *2.500.000 (Hai triệu, năm trăm nghìn) đồng* án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 147, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị Thu O.

- Buộc anh Lê Ngọc T trả cho chị Bùi Thị Thu O số tiền 50.000.000 (Năm mươi triệu) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

- Anh Lê Ngọc T phải chịu *2.500.000 (Hai triệu năm trăm nghìn) đồng* án phí dân sự sơ thẩm;

- Hoàn trả lại cho chị Bùi Thị Thu O *1.250.000 (Một triệu, hai trăm nghìn) đồng* tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số: TU/2015/0007898 ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Châu Đốc;

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có mặt có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Viện KSND TP (2);
- Tòa án nhân dân tỉnh (1);
- Thi hành án DS TP (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1),
- Lưu văn phòng (1).

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Kiều Nga